

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NAM MỸ**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2026**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đặc điểm tình hình nhà trường:

Trường TH, THCS và THPT Nam Mỹ

Địa chỉ: 80/68 Dương Quảng Hàm, Phường An Nhơn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Pháp lý thành lập và hoạt động của trường: Quyết định thành lập trường, quyết định cấp phép hoạt động giáo dục (tại địa điểm chính và các địa điểm khác nếu có):

Trụ sở chính: Địa chỉ 45 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Cầu Ông Lãnh.

- Trường TH, THCS và THPT Nam Mỹ thành lập theo Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 20 tháng 04 năm 2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định cho phép tổ chức hoạt động: Số 941/QĐ-GDĐT-TC ngày 18 tháng 05 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 1: Địa chỉ 80/68 Dương Quảng Hàm, Phường An Nhơn

- Trường TH, THCS và THPT Nam Mỹ thành lập cơ sở 1 theo Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định cho phép tổ chức hoạt động: Số 607/QĐ-GDĐT-TC ngày 22 tháng 03 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định công nhận Hội đồng trường: Số 10/QĐ-SGDĐT ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2. Tổ chức nhà trường:

a) Đội ngũ lãnh đạo nhà trường (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: tuổi, trình độ, bằng cấp chuyên môn).

STT	Họ tên	Tuổi	Chức danh	Trình độ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1980	Hiệu trưởng	Thạc sĩ	
2	Nguyễn Đức Danh	1991	Phó Hiệu trưởng	Thạc sĩ	
3	Phạm Thị Lịch	1987	Phó Hiệu trưởng	Thạc sĩ	
4	Đỗ Thị Thu Vân	1985	PHT - PT Tiểu học	Thạc sĩ	

b) Giáo viên, nhân viên nhà trường năm học 2025-2026

Giáo viên, nhân viên	Số lượng			Trình độ		
	Tổng cộng	Cơ hữu	Thỉnh giảng	TC, CĐ, Khác	Đại học	Sau Đại học
Giáo viên VN	125	125			108	17
- Tiểu học	86	86			79	7
- THCS	23	23			19	4
- THPT	16	16			10	6
Giáo viên NN	42	42			28	14
Nhân viên	80	80		26	52	2

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Cơ sở vật chất, các khối công trình của nhà trường bao gồm:

STT	Công trình	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng diện tích sử dụng (m ²)	25,130 m ²	
2	Phòng học	64	
3	Phòng học bộ môn	20	
4	Nhà tập đa năng	03	
5	Thư viện	02	

6	Phòng hoạt động Đoàn - Đội	01	
7	Phòng truyền thống	01	
8	Khối hành chính - quản trị	09	
9	Khu sân chơi, bãi tập	03	
10	Hồ bơi	01	
11	Khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước	28	
12	Khu để xe	01	
13	Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin	01	
14	Bếp ăn, nhà ăn (Tổ chức nấu/ suất ăn công nghiệp)	02	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường TH, THCS và THPT Nam Mỹ đạt kiểm định Cấp độ 1, Quyết định công nhận số 4131-43/QĐ-SGDĐT ký ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Quyết định được đăng trên website của Trường TH, THCS và THPT Nam Mỹ.

Công khai trên trang web của trường, link: [Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2023 - 2024 và Định hướng phát triển năm học 2026-2027 UTS](#)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Kết quả hoạt động giáo dục học sinh NH 2025-2026 như sau:

1. Khối tiểu học

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	769	155	143	163	172	136
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	769	155	143	163	172	136
III	Số học sinh đánh giá theo năng lực loại Tốt	755 98,2%	153	143	161	168	130
1	<i>Tự chủ và tự học (tỷ lệ so với tổng số)</i>	752 97,8%	153 98,7%	142 99,3%	161 98,8%	167 97,1%	129 94,9%
2	<i>Giao tiếp và hợp tác (tỷ lệ so với tổng số)</i>	756 98,3%	154 99,4%	143 100%	161 98,8%	168 97,7%	130 95,6
3	<i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo (tỷ lệ so với tổng số)</i>	756 98,3%	152 98,1%	143 100%	161 98,8%	169 98,3	131 96,3%

IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	769	155	143	163	172	136
1	Hoàn thành Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	513	124 24,2%	127 24,8%	96 18,7%	89 17,3%	77 15,0%
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	151	13 8,6%	1 0,7%	46 30,5%	57 37,7%	34 22,5%
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	105	18 17,1%	15 14,3%	21 20,0%	26 24,8%	25 23,8%
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm 2025-2026	769	155	143	163	172	136
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	769	155 100%	143 100%	163 100%	172 100%	136 100%
	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	769	155	143	163	172	136
2	Ở lại lớp (Kiểm tra lại) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0

2. Khối Trung học:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6,7,8	Lớp 9	Lớp 10,11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo rèn luyện NH 2025-2026	480	254	78	101	47
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	471	249 52,9%	78 16,6%	97 20,5%	47 10,0%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	9	5 55,5%	0	4 44,5%	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	480	254	78	101	47
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	327	175 53,5%	60 18,3%	62 19,0%	30 9,2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	125	66 52,8%	16 12,8%	27 21,6%	16 12,8%

3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	28	13 46,4%	2 7,2%	12 42,8%	1 3,6%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả NH 2025-2026	Tổng số	Lớp 6,7,8	Lớp 9	Lớp 10,11	Lớp 12
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	509 100%	269 52,8%	51 10,0%	122 24,0%	67 13,2%
a	Học sinh Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	340 66,8%	182 67,7%	36 70,6%	70 57,4%	52 77,6%
b	Học sinh Khá (tỷ lệ so với tổng số)	138 27,1%	70 26,0%	11 21,6%	42 34,4%	15 22,4%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	TH		THCS		THPT
1	Cấp phường/xã	19				
2	Cấp tỉnh/thành phố	15		7		20
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	TH 136		THCS 78		THPT 47
VI	Số học sinh được công nhận Hoàn thành CT giáo dục	TH		THCS		THPT
1	Số lượng (tỷ lệ so với tổng số)	136 100%		78 100%		
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nữ/số học sinh nam	360/409	137/117	43/36	41/60	28/19

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Mức thu học phí từ người học như sau:

- **Biểu phí chương trình song ngữ theo chuẩn Common Core-Hoa Kỳ**

Khối	Học phí NH	Phương án đóng học phí		
		Đóng 1 lần	Đóng 2 lần	Đóng 4 lần
Khối 1	174,400,000	165,700,000	85,500,000	43,600,000
Khối 2	184,000,000	174,800,000	90,200,000	46,000,000
Khối 3	196,800,000	187,000,000	96,400,000	49,200,000
Khối 4	196,800,000	187,000,000	96,400,000	49,200,000
Khối 5	212,800,000	202,200,000	104,300,000	53,200,000
Khối 6	241,400,000	229,300,000	118,300,000	60,350,000
Khối 7	258,400,000	245,500,000	126,600,000	64,600,000
Khối 8	258,400,000	245,500,000	126,600,000	64,600,000
Khối 9	277,600,000	263,700,000	136,000,000	69,400,000
Khối 10	297,200,000	282,300,000	145,600,000	74,300,000
Khối 11	318,000,000	302,100,000	155,800,000	79,500,000
Khối 12	343,200,000	326,000,000	168,200,000	85,800,000
Thời hạn đóng phí đầu tiên		31/7/2026	31/7/2026	31/7/2026

- **Biểu phí chương trình Quốc tế Oxford – Anh Quốc**

Khối	Học phí NH	Phương án đóng học phí		
		Đóng 1 lần	Đóng 2 lần	Đóng 4 lần
Khối 1	227,800,000	216,400,000	111,600,000	56,950,000
Khối 2	247,000,000	234,700,000	121,000,000	61,750,000
Khối 3	261,600,000	248,500,000	128,200,000	65,400,000
Khối 4	275,800,000	262,000,000	135,100,000	68,950,000
Khối 5	290,600,000	276,100,000	142,400,000	72,650,000
Khối 6	310,400,000	294,900,000	152,100,000	77,600,000
Khối 7	327,800,000	311,400,000	160,600,000	81,950,000
Khối 8	348,400,000	331,000,000	170,700,000	87,100,000
Khối 9	376,600,000	357,800,000	184,500,000	94,150,000
Khối 10	393,800,000	374,100,000	193,000,000	98,450,000
Khối 11	432,400,000	410,800,000	211,900,000	108,100,000
Khối 12	458,000,000	435,100,000	224,400,000	114,500,000
Thời hạn đóng phí đầu tiên		31/7/2026	31/7/2026	31/7/2026

2. Chính sách và thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học (Chính sách ưu đãi)

- Ưu đãi anh/chị/em ruột

Gia đình có từ 02 (hai) anh/chị/em ruột trở lên học chung trường thì ưu đãi được áp dụng cho con nhỏ tuổi hơn theo chính sách như sau:

Ưu đãi 5% học phí	Ưu đãi 10% học phí	Ưu đãi 15% học phí
Anh/chị/em ruột thứ 2 (hai)	Anh/chị/em ruột thứ 3 (ba) trở lên	Anh/chị/em ruột thứ 4 (tư) trở lên

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.

1. Thực hiện các dự án:

STT	Tên Dự án	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	Khối Tiểu học		
1	Âm sắc quê hương - hòa nhịp toàn cầu	Tháng 9 –10/2025	
2	AI Says Hi	Tháng 1- 4/2026	
3	Bách nghệ hồn Việt	Tháng 11 – 4/2026	
	Khối THCS		
1	Dự án liên môn Khối 7: Sản xuất nước rửa tay	Tháng 2/2026	
2	Dự án STEM Khối 7: Máy đo nồng độ CO ₂	Tháng 3/ 2026	
3	Dự án liên môn Khối 6: Bản đồ xanh UT-Map	26/03/2026	
4	Dự án STEM Khối 9: Tên lửa nước	Tháng 4/ 2026	
5	Dự án Tổ Khoa học Công nghệ: Nobel Challenge	06/05/2026	
	Khối THPT		
1	Dự án Toán: Hồn Việt trong Toán học – Khi AI kể chuyện Đông Hồ	Tháng 11/2025	
2	Dự án tổ: UTS Genius Hunt	Tháng 11/2025	
3	Dự án STEM Khối 12: IoT – Nhà thông minh, vườn rau thông minh	Tháng 12/ 2025	
4	Dự án tổ: UTS Move Day	Tháng 01/2026	
5	Dự án Liên môn Vật lý và Công nghệ Khối 11: Máy ghi đo địa chấn	30/01/2026	

6	Dự án tổ Toán-Tin: Trạng Toán 4.0	Học kỳ I	
7	Dự án STEM Khối 10: Làm hoa tinh thể	Tháng 2/ 2026	
8	Dự án STEM Khối 11: AI và những tác phẩm văn học	Tháng 3/ 2026	
9	Dự án Toán khối 11: Math Master 4.0	Học kỳ II	

2. Chương trình học tập trải nghiệm:

Triển khai các chương trình trải nghiệm trong năm học 2025-2026

STT	Đối tượng	SL HD	Tên HD Trải nghiệm	Số lượng GV-HS Tham gia	Thời gian thực hiện
1	Khối Tiểu học	10	1/ Một ngày làm công dân nhí – Khối 1	129	27/11/2025
			2/ Nhà thiên văn nhí: Khám phá vũ trụ và kho báu sách – Khối 1	129	16/3, chiều 17/3
			3/ Nhà chăm sóc thú cưng - Học cách yêu & chăm sóc thú cưng tại trung tâm cứu trợ động vật – Khối 2	132	Chiều 10/3& sáng, chiều 11/3/2026
			4/ Nhà khoa học khám phá sắc màu thiên nhiên tại Binifarm – Khối 2	132	18/12/2025
			5/ Nhà khám phá văn hóa: Thái Lan và Lễ hội té nước Songkran – Khối 3	141	18/3/2026
			6/ Từ Đông Hồ Đến Mosaic: Khám Phá Nghệ Thuật Đa Văn Hóa – Khối 3	141	5/11/2025
			7/ Thử thách vượt qua giới hạn – Khối 4	147	2/4/2026
			8/ Nhà chinh phục nhí: Thử thách đoàn kết và hành trình khám phá Gió - Lửa - Đất – khối 4	147	12/11/2025
			9/ Nhà địa chất nhí: Ngày hội Khoa học Trái Đất – Khối 5	121	05/12/2025

			nghiệm và khám phá văn hóa – thiên nhiên Bình Thuận” (HK2) Khối 12: 1. Trekking Núi Lớn (Tương Kỳ) Vũng Tàu: Khám phá giới hạn bản thân (HK1) 2. Chuyến đi thanh xuân Đà Lạt (HK2)	71	09/1/2026
				52	13/5/2026
				44	

3. Hoạt động Câu lạc bộ:

STT	Đối tượng	SL CLB	Tên Câu lạc bộ	SL HS	Tên Câu lạc bộ	SL HS
1	Khối Tiểu học	68	Nghệ thuật (17 CLB)	160		
			Thể thao (17 CLB)	180		
			Tư duy (17 CLB)	150		
			Kĩ năng (17 CLB)	180		
2	Khối THCS	25	Hỗ trợ kiến thức Toán khối 6	8	Thí nghiệm vui	25
			Hỗ trợ kiến thức khối 7	6	STEM	20
			Hỗ trợ kiến thức khối 8	9	Trò chơi sáng tạo	15
			Hỗ trợ kiến thức khối 9	5	Khoa học viễn tưởng	15
			Bồi dưỡng Toán khối 6-7	12	Robot	15
			Bồi dưỡng Toán 8-9	8	Thiện nguyện	25
			Bồi dưỡng Tin học trẻ	6	Thiết kế đạo cụ-phân cảnh (dành cho CLB nghệ thuật biểu diễn)	10

			Đội tuyển HS giỏi Văn-9	5	Tự học	25
			Hỗ trợ kiến thức Văn-6,7	5	Truyền thông	15
			Hỗ trợ kiến thức Văn-8,9	5	Tranh biện	25
			Hỗ trợ kiến thức Tiếng Anh 6	10	Cờ vua	25
			Hỗ trợ kiến thức Tiếng Anh 7	10	Bơi lội	20
			Hỗ trợ kiến thức Tiếng Anh 8	12	Bóng bàn	25
			Hỗ trợ kiến thức Tiếng Anh 9	11	Cầu lông	25
			Đội tuyển HS giỏi Địa-9	5	Bóng rổ	25
			Đội tuyển HS giỏi Sử-9	5	Múa đương đại	10
			Đội tuyển Olympic KHTN và Hóa học-6	25	Mỹ thuật	25
			Đội tuyển Đội tuyển HKISO	15	Thủ công	25
			Đội tuyển Olympic KHTN và Hóa học-7	15	Thêu	25
			Đội tuyển Olympic KHTN và Hóa học 8,9	7	Nghệ Thuật Biểu Diễn (Dành cho diễn xuất)	15
			Đội tuyển HS giỏi Sinh học-9	5	ĐT Học sinh giỏi TA lớp 9	10
3	Khối THPT	28	Phụ đạo Toán khối 10	6	Bóng bàn	3

			Phụ đạo Toán khối 11	12	Múa đương đại	14
			Bồi dưỡng Toán 10	4	Mỹ thuật	11
			Bồi dưỡng Toán 11	6	Tự học	24
			Phụ đạo Văn 10	10	Bóng rổ	27
			Phụ đạo Văn 11	5	ICT - Khai thác Copilot	4
			Bồi dưỡng văn 11	3	Lập trình IoT cơ bản	2
			Bồi dưỡng Học sinh giỏi Vật lý	3	Nghệ thuật biểu diễn	2
			Bồi dưỡng HSG Hóa 10	1	Thiết kế Sân khấu	1
			Bồi dưỡng HSG Sử 11	1	Thêu	1
			Bồi dưỡng HSG Tiếng Anh 10-11	8	Tự học	23
			Bồi dưỡng HSG Địa lí 11	1	Cầu lông	30
			Bồi dưỡng HSG KTPL 11 (Olympic)	1	Móc len	7
			Cờ vua	8	Truyền thông	4

4. Tham vấn tâm lý: Số lượng học sinh và số phiên tư vấn theo mỗi cấp học như sau:

Cấp học	TiH	THCS	THPT	Tổng
Số học sinh được tư vấn	13	50	46	109
Số phiên tư vấn đã thực hiện	31	118	131	280

Ghi chú:

- Mỗi lần tham vấn được xem là 1 phiên.
- Một cá nhân có thể đến tham vấn nhiều lần.

5. Chuyên đề và Workshops:

STT	Tên chuyên đề	Thời gian tổ chức	Ghi chú
I	Khối Tiểu học		
1.1	Một số giải pháp tạo hứng thú học Tiếng Việt cho học sinh Lớp 1	Tháng 10/2025	
1.2	Tổ chức hoạt động học theo hướng phát triển năng lực cho học sinh lớp 2 trong dạy học Toán.	Tháng 11/2025	
1.3	Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược và dạy học tích hợp liên môn để phát triển năng lực tìm hiểu Lịch sử cho học sinh lớp 5.	Tháng 12/2025	
1.4	Tích hợp giáo dục công dân toàn cầu trong môn Toán thông qua thiết kế ngữ liệu dạy học cho học sinh lớp 3.	Tháng 3/2026	
1.5	Vận dụng kiến thức Luyện từ và câu vào nâng cao kỹ năng viết văn miêu tả cho học sinh lớp 4	Tháng 3/2026	
II	Khối THCS		
1	Chuyên đề: Bảo vệ và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại UTS	20/09/2025	THCS
2	Chuyên đề hướng nghiệp: Thấu hiểu bản thân – Lựa chọn đúng đắn	20/09/2025	Khối 9
3	Chuyên đề: An toàn trên không gian mạng	20/10/2025	THCS
4	Coffee Talk: Hỗ trợ sức khỏe toàn diện cho thanh thiếu niên	13/12/2025	Phụ huynh
5	Chuyên đề: Tôn trọng sự khác biệt	16/12/2025	THCS
6	Giáo dục giới tính	06/01/2026 09/01/2026 13/01/2026	Khối 8 Khối 9 Khối 6,7
7	Sử dụng AI đúng đắn và hiệu quả	13/01/2026	Khối 8,9
8	Chuyên đề: Sức mạnh của việc nói "Không"	13/01/2026	THCS
9	Chuyên đề: Giáo dục giới tính	16/01/2026	Khối 6,7
10	Tìm hiểu về ngành học STEM – Robotics – Kỹ sư Robotics	26/01/2026	Khối 8,9

11	Tìm hiểu về cụm ngành y: Sức khỏe tinh thần và tim mạch	10/3/2026	Khối 9
12	Chuyên đề: Định hướng chuyển cấp cho HS lớp 5 lên 6	09/4/2026	Học sinh
13	Chuyên đề: Chuẩn bị hành trang cho con vào lớp 6	17/04/2026	Phụ huynh
III	Khối THPT		
1	Chuyên đề: Bảo vệ trẻ em tại UTS & Văn minh trên mạng xã hội	22/09/2025	THPT Nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ trẻ em tại trường; Nhận biết và ngăn chặn những cách ứng xử độc hại trên Mạng Xã Hội
2	Chuyên đề AI: Hòn Việt trong Toán học – Khi AI kể chuyện Đông Hồ	Tháng 11/2025	Khối 11 Sản phẩm phát triển thành dự án học tập và dự thi cuộc thi của trường Đại học RMIT
3	Chuyên đề: Tôn trọng sự khác biệt & đa dạng văn hoá	24/11/2025	THPT Nâng cao ý thức của HS đối với việc tôn trọng khác biệt giữa các cá nhân trong tương tác và ứng xử
4	Chuyên đề: Chăm sóc bản thân trong mùa thi	08/12/2025	THPT Khuyến khích lối sống lành mạnh, thói quen ổn định và hướng dẫn cách duy trì sự tỉnh táo khi thi cử
5	Chuyên đề: Giáo dục giới tính & sức khỏe sinh sản vị thành niên	12/01/2026	THPT Nâng cao nhận thức về việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe sinh sản tuổi vị thành niên, bảo vệ bản thân trong các mối quan hệ tình cảm
6	Chuyên đề AI: Math Master 4.0	Học kỳ II	Khối 11 Xây dựng và phát triển các ứng dụng hỗ trợ

			việc học Toán theo các chủ đề cho HS
7	Chuyên đề: Eagle Boost	Học kỳ II	Khối 12 Tư vấn về định hướng nghề nghiệp cho HS
8	Chuyên đề: Lí tưởng sống & Trách nhiệm cộng đồng	09/03/2026	THPT Khuyến khích lối sống hướng đến việc giúp đỡ người xung quanh, tạo ra giá trị có ích cho cộng đồng
9	Chuyên đề: Tự hào Việt Nam	13/04/2026	THPT Chia sẻ về những điều đáng tự hào về cuộc sống và văn hoá Việt Nam, khơi dậy lòng yêu nước
10	Chuyên đề: Hè hữu ích	11/05/2026	THPT Đề xuất những hoạt động HS nên thực hiện để nâng cao kiến thức, sức khoẻ trong thời gian nghỉ hè

6. Học sinh đạt giải cấp Phường, cấp Thành phố nội dung học thuật, TDTT, khác: 61 em (Tiểu học: 34, THCS: 07, THPT: 20), danh sách chi tiết từng nội dung:

1. Cấp Tiểu học

STT	Họ và tên	Lớp	Nội dung đạt	Cấp Quận / Thành phố
1	Nguyễn Đức Tuấn Kiệt	Lớp 1.2	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
2	Nguyễn Bùi Tú Anh	Lớp 1.2	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
3	Hồ Ngọc Diệp	Lớp 1.3	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
4	Lê Phạm Minh Khôi	Lớp 2.5	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
5	Huỳnh Nguyễn Gia Phúc	Lớp 2.2	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
6	Võ Huỳnh Tuệ Lâm	Lớp 2.4	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường

7	Lâm Gia Hân	Lớp 3.7	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
8	Diệp Vũ Khôi	Lớp 3.1	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
9	Nguyễn Nhã Anh Thy	Lớp 3.4	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
10	Nguyễn Đỗ Linh Đan	Lớp 3.4	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
11	Trần Thuận An	Lớp 3.5	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
12	Lê Minh Đức	Lớp 3.5	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
13	Phạm An Khang	Lớp 3.7	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
14	Hồ Ngọc Trâm Anh	Lớp 3.7	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
15	Lại Thiên Thiên	Lớp 4.7	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
16	Mai Thị Thanh Mai	Lớp 4.6	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
17	Ao Thiện Hữu	Lớp 4.4	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
18	Đỗ Nguyễn Bảo Trân	Lớp 5.6	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
19	Huỳnh Tấn Khải Minh	Lớp 5.6	Trạng nguyên Tiếng Việt	Cấp Phường
20	Huỳnh Ngọc Thiên Mỹ	Lớp 1.7	VIOEDU	Thành Phố
21	Nguyễn Minh Đăng	Lớp 2.1	VIOEDU	Thành Phố
22	Lê Phạm Minh Khôi	Lớp 2.5	VIOEDU	Thành Phố
23	Trần Ngọc Thiên Kim	Lớp 2.2	VIOEDU	Thành Phố
24	Phạm An Khang	Lớp 3.7	VIOEDU	Thành Phố
25	Đỗ Ngọc Ngân Thư	Lớp 3.6	VIOEDU	Thành Phố
26	Lê Nhật Linh Đan	Lớp 4.3	VIOEDU	Thành Phố
27	Nguyễn Thanh Hoàng Nga	Lớp 5.3	VIOEDU	Thành Phố
28	Nguyễn Trần Trung Tín	Lớp 5.6	VIOEDU	Thành Phố

29	Phan Thục Như Anh	Lớp 2.1	VIOEDU	Thành Phố
30	Hoàng Nguyễn Thiên Minh	Lớp 3.1	VIOEDU	Thành Phố
31	Nguyễn Nhã Anh Thy	Lớp 3.4	VIOEDU	Thành Phố
32	Mai Thị Thanh Mai	Lớp 4.6	VIOEDU	Thành Phố
33	Chu Diệu Thu Anh	Lớp 5.6	VIOEDU	Thành Phố
34	Nguyễn Trúc Nhã Uyên	Lớp 2.3	BƠI LỘI	Thành Phố

2. Khối THCS và THPT

STT	Họ và tên	Lớp	Nội dung đạt	Cấp Quận / Thành phố
1	Ngô Hoàng Uyên Phương	12.2	Giải Ba - Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 12 cấp thành phố dành cho học sinh phổ thông năm học 2025-2026	Cấp Thành phố
2	Lê Hoàng Khang	10.1	Giải Nhì - Cuộc thi Olympic Thành phố Hồ Chí Minh dành cho học sinh trung học phổ thông năm học 2025-2026	Cấp Thành phố
3	Nguyễn Jagoo Marylinh Mỹ Lê	10.1	Giải Ba - Cuộc thi Olympic Thành phố Hồ Chí Minh dành cho học sinh trung học phổ thông năm học 2025-2026	Cấp Thành phố
4	Thy Khanh Hoang	10.1	Giải Ba - Cuộc thi Olympic Thành phố Hồ Chí Minh dành cho học sinh trung học phổ thông năm học 2025-2026	Cấp Thành phố
5	Phan Trần Bảo Uyên	11.2	Giải Khuyến Khích – Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên Nhi đồng TP. HCM lần thứ 21 năm 2026	Cấp Thành phố
6	Hoàng Linh Chi	11.2	Giải Khuyến Khích – Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên Nhi đồng TP. HCM lần thứ 21 năm 2026	Cấp Thành phố
7	Nguyễn Trí Vỹ	11.2	Giải Khuyến Khích – Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên Nhi đồng TP. HCM lần thứ 21 năm 2026	Cấp Thành phố

8	Trương Công Thiện	11.2	Giải Khuyến Khích – Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên Nhi đồng TP. HCM lần thứ 21 năm 2026	Cấp Thành phố
9	Ngô Hoàng Uyên Phương	12.2	Giải Khuyến khích – Cuộc thi Tin học trẻ năm 2026	Cấp Thành phố
10	Nghiêm Lê Bảo Châu	12.2	Giải Khuyến khích – Cuộc thi Tin học trẻ năm 2026	Cấp Thành phố
11	Hoàng Long	11.1	Giải Khuyến khích – Cuộc thi Tin học trẻ năm 2026	Cấp Thành phố
12	Ngô Đình Nam Khánh	9.1	Giải Khuyến khích – Cuộc thi Tin học trẻ năm 2026	Cấp Thành phố
13	Đỗ Thành Đạt	9.1	Giải Khuyến khích – Cuộc thi Tin học trẻ năm 2026	Cấp Thành phố
14	Ngô Hoàng Uyên Phương	12.2	Giải Ba Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Thành phố	Cấp Thành phố
15	Nghiêm Lê Bảo Châu	12.2	Giải Ba Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Thành phố Huy chương vàng đơn nữ môn cầu lông Hội thi thể thao học sinh thành phố Hồ Chí Minh.	Cấp Thành phố
16	Trần Hải Nam	12.2	Giải Nhì Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Thành phố	Cấp Thành phố
17	Lê Minh Thông	12.2	Giải Nhì Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Thành phố	Cấp Thành phố
18	Vương Quang Tân	12.2	Giải Nhì - Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 12 cấp thành phố dành cho học sinh phổ thông năm học 2025-2026	Cấp Thành phố
19	Hoàng Linh Chi	11.2	Giải Ba - Cuộc thi Olympic Thành phố Hồ Chí Minh dành cho học sinh trung học phổ thông năm học 2025-2026	Cấp Thành phố
20	Phạm Hồ Diệp Anh	10.1	Giải Ba - Cuộc thi Olympic Thành phố Hồ Chí Minh dành cho học sinh trung học phổ thông năm học 2025-2026	Cấp Thành phố
21	Vũ Lam Hồng	9.2	Giải Ba - Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố dành cho học sinh phổ thông năm học 2025-2026	Cấp Thành phố
22	Phan Hữu Khả	9.2	Giải Ba - Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố dành	Cấp Thành phố

			cho học sinh phổ thông năm học 2025-2026	
23	Hà Phạm Trà Giang	9.2	Giải Ba - Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố dành cho học sinh phổ thông năm học 2025-2026	Cấp Thành phố
24	Qua Ngũ Tú	9.1	Giải Ba - Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố dành cho học sinh phổ thông năm học 2025-2026	Cấp Thành phố
25	Nguyễn Uyên Linh	9.3	Giải Ba - Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố dành cho học sinh phổ thông năm học 2025-2026	Cấp Thành phố
26	Đỗ Thành Đạt	9.1	Giải Nhì Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Thành phố	Cấp Thành phố
27	Ngô Đình Nam Khánh	9.1	Giải Nhì Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Thành phố	Cấp Thành phố

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Ngọc Lan